

Tạo lập môi trường cho kinh tế tri thức Việt Nam

TRẦN CAO SƠN

I. Việt Nam trong bối cảnh kinh tế tri thức.

Kinh tế tri thức là tất yếu, một quy luật khách quan. Chúng ta không đứng ngoài quy luật. Việt Nam đi vào kinh tế tri thức với tất cả sự tự tin, không ảo tưởng, không thụ động, phát triển kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến. Hai nhiệm vụ song hành lồng ghép, hòa quyện hỗ trợ, bổ sung, đó là từ kinh tế nông nghiệp tiến thẳng vào *nền kinh tế công nghiệp, từ kinh tế công nghiệp tiến vào kinh tế tri thức*. Công nghiệp hóa Việt Nam thực hiện trong thời đại của khoa học - kỹ thuật ở trình độ cao với thuộc tính cơ bản nhất là ở tính hiện đại. Suốt mấy trăm năm vật lộn trên lộ trình công nghiệp hóa, các nước đi trước có bước đi mang tính tuần tự, kế tiếp, lúc tiệm tiến, khi nhảy vọt, là một chuỗi liên hoàn theo thời gian phải kéo dài hàng thế kỷ. Lịch sử không lặp lại bước đi ấy với những nước đi sau. Công nghiệp hóa Việt Nam là mô hình khá chuyên biệt, chưa có tiền lệ, đòi hỏi đến mức nghiêm ngặt những yêu cầu: hiệu quả - chất lượng - tốc độ - thời gian - cơ hội.

Hội nhập là xu thế, là nhu cầu nội sinh, bên cạnh cái thuận là cái nghịch. Trình độ công nghệ của Việt Nam còn thua kém rất xa và nếu không cảnh giác sẽ lại một lần nữa trở thành công cụ của các nước tư bản phát triển. Hội nhập mà không có chỗ đứng trong sân chơi, không có thế mạnh riêng, sẽ bị cuốn hút vào cuộc chơi của kẻ khác. Trong các thế kỷ trước đây, khi tài nguyên và sức lao động cơ bắp vốn là chủ đạo của nền sản xuất công nghiệp và sự thịnh vượng thì chúng ta bị tư bản phương Tây chiếm đoạt. Ngày nay khi chúng ta có tài nguyên và lao động dồi dào thì yêu cầu của nhân loại lại chuyển sang một bước mới, đó là công nghệ và tri thức. Cái ta có thì lại chưa phải là thế mạnh, cái rất cần thì ta lại thiếu.

“Các nước đang phát triển không thể mong chờ đặt sự phát triển của mình dựa trên lợi thế so sánh về lao động - tức lao động công nghiệp rẻ được nữa. Lợi thế so sánh có hiệu quả bây giờ phải là ứng dụng tri thức” (P. Drucker, 1994; 3, tr. 102).

“Những hậu quả về vật chất mà một dân tộc phải gánh chịu, có thể còn khắc phục được, nhưng những hậu quả thiệt hại về mặt trí tuệ thì không bao giờ”. “Tri thức trở thành nguồn của cải mới, là điều chưa diễn ra trước đây” (3, 114)

Do nắm được lợi thế của người đi trước, nhiều quốc gia phát triển đã có chiến lược kinh tế mới, họ chuyển các ngành công nghiệp tiêu dùng có vật liệu

nặng, mang tính thủ công cao, tốn năng lượng, nhiên liệu và ô nhiễm sang cho các nước đang phát triển, dưới hình thức đầu tư, liên doanh. Theo dự đoán thì nhiều quốc gia không có năng lực cạnh tranh lớn trong công nghệ sẽ trở thành công trường thủ công hiện đại sản xuất hàng tiêu dùng như chế biến thực phẩm, sản xuất quần áo, giày dép, đồ chơi v.v... cho các nước công nghiệp tiên tiến. Đồng thời đây cũng là nơi đào tạo các chuyên gia tin học, nhất là trong lĩnh vực phần mềm máy tính làm thuê cho các nước công nghiệp phát triển với giá rẻ mạt mà họ chưa có cơ hội sử dụng. Những động thái trên thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, và nhiều quốc gia khác đang thể hiện rất rõ điều này. Đây là sự thách thức mà chúng ta cần tỉnh táo để khắc phục. Sự cảnh báo của Ngân hàng Thế giới (10/1998) về sự bùng nổ tri thức trên toàn cầu giống như con dao hai lưỡi, nếu biết sử dụng thì các nước nghèo sẽ giàu lên, nếu không biết sử dụng thì sẽ dẫn đến bi kịch đã nghèo sẽ nghèo hơn, hố ngăn cách giàu nghèo càng lớn.

Trong lịch sử phát triển của khoa học - kỹ thuật, cuộc cách mạng hiện nay được coi là cuộc cách mạng lần thứ 3. Theo K. Thurow, thì *“cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được đánh dấu bằng sự quá độ từ các hệ thống kinh tế quốc gia sang nền kinh tế toàn cầu. Cũng giống hệt như cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được đánh dấu bằng sự thay đổi các hệ thống kinh tế địa phương bằng các hệ thống kinh tế quốc gia”* (10).

Nếu như cuộc cách mạng lần thứ hai được đặc trưng bởi *“sự phát triển có tính rượt đuổi”* dựa trên sự sao chép các công nghệ hiện có, thì cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba *đòi hỏi sự phát triển có tính độc lập, có tính tích cực và sự tăng trưởng gấp nhiều lần tri thức* là điều kiện cơ bản để mang lại thành tựu kinh tế hiện đại.

Như vậy, có thể thấy hầu hết các quốc gia công nghiệp phát triển bước vào kinh tế tri thức sau khi đã trải qua hai cuộc cách mạng công nghiệp những thế kỷ qua. Cùng với tiềm năng của nền kinh tế, kỹ thuật trình độ cao, các quốc gia này còn có cả một cơ địa trí tuệ, tư tưởng cho nền kinh tế tri thức, họ là chủ nhân, là tác giả của nền kinh tế mà nhân loại đang góp sức sẻ chia, đón nhận quyền lợi và nghĩa vụ.

Việt Nam là nước nông nghiệp truyền thống với nền văn minh làng xã lâu bền, một phương thức sản xuất khá đặc thù, không chiếm hữu nô lệ, không phong hầu kiến áp, không tư bản chủ nghĩa; từ Nhà nước vua chúa trung ương tập quyền đến làng xã là một thể thống nhất trong thiết chế hành chính và hoạt động kinh tế. Những đặc trưng cơ bản của một *Dân tộc quốc gia tiên tư bản* (Nation d'Etat pré-capitalisme) cũng mang những đại lượng riêng, phản mô hình phổ quát.

Việt Nam không có mặt trong cuộc cách mạng nông nghiệp lần thứ nhất, đứng ngoài lề cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba từ một hoàn cảnh sau hơn thế kỷ nô lệ, chiến tranh, cô lập, cấm vận, nền kinh tế và hạ tầng kỹ thuật yếu kém bị tàn phá nặng nề. Chúng ta chưa được tập dượt ở *“sự phát triển có tính rượt đuổi”* thì đã phải sẵn sàng bước vào *“sự phát triển có tính độc lập, có tính tích cực và sự tăng trưởng gấp nhiều lần tri thức”*. Đó là thách thức lớn.

II. Những bài học tham khảo

Chúng ta có thể lấy lộ trình các quốc gia châu Á lân cận làm bài học tham khảo.

1. Nhật Bản: Chịu thảm bại trong đệ nhị thế chiến và phải xây dựng đất nước trên đồng tro tàn cùng với sự bao vây kiềm tỏa của các cường quốc thắng trận mà tiêu biểu là Mỹ và Nga, người Nhật không vì thế mà nản chí, họ tìm ra một hướng đi mới, đó là đi vào xây dựng kinh tế và phát triển khoa học, kỹ thuật.

Nhiều người Nhật còn cho rằng sự thất bại của nước Nhật trong chiến tranh âu cũng là cơ may, là một dịp để tự nhận ra mình là ai và biết cần phải làm gì, không được bi quan, chán nản trước hiện thực nghiệt ngã mà phải hướng tới tương lai. Người Nhật ngồi xuống là để làm việc chứ không phải để than khóc vì nỗi nhục của kẻ bại trận. Người Nhật đứng lên là để đi đến mục đích đã chọn chứ không phải để phân bua dãi bày tìm sự thông cảm. Người Nhật chuyển cái rủi thành cái may, biến cái nghịch thành cái thuận, đó là cơ hội để nước Nhật vươn lên và trở thành cường quốc khoa học và kinh tế của thế giới từ hơn nửa thế kỷ qua. Cuộc chiến đấu trên mặt trận không tiếng súng, thâm lặng mà quyết liệt, đã đưa nước Nhật đến thành công.

2. Hàn Quốc: Sau cuộc chiến tranh Nam - Bắc (1950 -1953), Hàn Quốc nằm trong tình trạng suy thoái, đình đốn. Tranh thủ sự giúp đỡ mạnh mẽ của Mỹ và các nước phương Tây, Hàn Quốc nhanh chóng khôi phục nền kinh tế và bước vào thời đại công nghiệp hóa. Chiến lược công nghiệp “*thay thế nhập khẩu*” ở đầu thập niên 60 đã đưa Hàn Quốc thoát khỏi tình trạng lệ thuộc hàng hóa bên ngoài, tổng kim ngạch nhập khẩu giảm đáng kể và từng bước chuyển sang chiến lược “*nền kinh tế hướng về xuất khẩu*”. Những bước tiến kỳ diệu của Hàn Quốc trong 50 năm qua đã biến một quốc gia nông nghiệp nghèo nàn và lạc hậu, suy tàn sau chiến tranh trở thành cường quốc công nghiệp ở châu Á, một nước công nghiệp mới.

Để đạt được những thành tựu kinh tế và kỹ thuật, Hàn Quốc đã có nhiều chính sách đồng bộ, hợp quy luật, đó là chiến lược đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong những năm 50, tỷ lệ dân số đô thị chỉ trên 30%, thì năm 1970, tỷ lệ này đã lên gần 70%. Hiện nay Hàn Quốc có hệ thống đô thị cũng như tỷ lệ dân số đô thị ngang hàng với các quốc gia công nghiệp tiên tiến nhất thế giới .

Nhằm đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, Chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng các khu công nghiệp và đào tạo ngay đội ngũ công nhân xuất thân từ nông thôn. Sự trưởng thành của đội ngũ lao động có tay nghề này đã trở thành điều kiện cho thành công trong chiến lược công nghiệp hóa. Những tiền đề, điều kiện cho nền kinh tế tri thức của Hàn Quốc là rất dồi dào. Đô thị hóa là phương tiện vật chất và tinh thần cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của quốc gia bên bờ biển vàng này.

Cũng là một nhà nước phong kiến phương Đông với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, Hàn Quốc đã lựa chọn hợp lý giữa cái chung và cái riêng, cái truyền thống và cái hiện đại, cái dân tộc và cái nhân loại vì sự trường tồn.

Như vậy, cơ sở ban đầu là rất quan trọng, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Vấn đề có tính quyết định cho sự thành bại, nhanh chậm, lại chính là chiến

lược, là bước đi, là văn hóa trong bước đi.

3. Trung Quốc: Suốt mấy chục năm, Trung Quốc cũng gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển đất nước. Từ chiến lược bốn hiện đại hóa, quốc gia đông dân số này đã đạt được những thành tựu to lớn, từng bước trở thành cường quốc kinh tế thế giới, chứa đựng nhiều tiềm năng trong tương lai. Những thất bại trong lịch sử *Đại nhảy vọt* những năm năm mươi, sự đổ vỡ trong *Cách mạng văn hóa* những năm sáu mươi là bài học cho thắng lợi hôm nay của họ. Từ chỗ coi Trung Hoa là cái rốn của vũ trụ, người Trung Quốc đã nhận ra chân trời mới từ các quốc gia phương Tây. Tư tưởng *chính trị là thống soái* đã nhường chỗ cho quan điểm *Khoa học và giáo dục là lực lượng sản xuất thứ nhất* trong chiến lược phát triển.

Mỗi quốc gia đều biết cái giá trong sự lựa chọn, chấp nhận sự tự giải thể những cấu trúc tư duy và văn hóa cổ điển không phù hợp, tái cấu trúc mô hình văn hóa mới, tư duy mới, có sức mạnh của thời đại, tạo năng lực bảo vệ những tinh hoa cần gìn giữ của văn hóa dân tộc truyền thống. Từ phong cách văn hóa phương Đông đậm nét thôn dã, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản và nhiều dân tộc khác đã chuyển thành nền văn hóa đô thị. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản truyền thống trong lòng đô thị. Những nguyên lý vận hành ngược logic một cách hết sức logic này chính là bí quyết thành công của họ.

Thiết chế quản lý hành chính tập trung, thể chế hóa trong từng bước nhường chỗ cho tự do sáng tạo, phát huy nội sinh của mỗi cá nhân theo năng lực và sự đam mê. Những khuyến khích sáng tạo với sự trợ giúp của Nhà nước và các công ty, những quy định bảo vệ bản quyền phát minh, sáng chế đã làm cho sức mạnh trí tuệ của họ tăng lên. Chúng ta có thể nhắc lại lời của Prigogine: *Tôi tin rằng mỗi người chúng ta đều có một tài năng, nhưng mới chỉ có ít người trong chúng ta có được ưu đãi để thể hiện nó*. Điều này đã minh chứng cho vấn đề tạo lập cơ hội cho mỗi cá nhân trong thời đại mới đến nhường nào, và các quốc gia trên đây đã sớm ý thức được. Những năm đầu thập niên 80, Trung Quốc đã có những chính sách đáng chú ý: “Giúp đỡ đi học”, “Khuyến khích trở về”, Tự do “đi”, “ở”, đã tạo một khả năng kỳ diệu cho thế hệ trẻ Trung Quốc phát huy năng lực và quyền lựa chọn. Nhờ vậy mà hiện nay Trung Quốc có một đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo và tinh nhuệ vào loại bậc nhất thế giới, vừa có mặt ở Hoa Lục, vừa hiện diện ở hải ngoại và lúc nào cũng là tiềm năng cho sự phát triển của nền kinh tế và khoa học Trung Quốc.

Cách tân cách nhìn, cách nghĩ, điều chỉnh hành động, nhanh chóng tiếp cận xu thế thời đại là con đường duy nhất đúng cho mỗi dân tộc trong thời đại ngày nay.

“Nhìn vào những nước có nhiều thành tựu về phát triển dựa trên khoa học và công nghệ trong 20 năm qua, đặc biệt là các con rồng châu Á, ta có thể nhận ra những bài học bổ ích như sau: họ đã tạo lập được nền văn hóa công nghệ, vừa khích lệ, đào tạo nhân tài, vừa rèn luyện tay nghề, kỹ năng và không quên phổ cập tri thức hướng vào công nghệ cho quảng đại quần chúng. Họ thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần cộng đồng, coi văn hóa - sắc thái dân tộc như một nguồn lực của phát triển. Họ hăng hái hội nhập nền kinh tế thế giới, thụ hưởng thành tựu của nhân loại, ham mê sáng

tạo công nghệ và tham gia cạnh tranh một cách hiệu quả trên trường quốc tế. Họ chủ trương xây dựng một liên kết, hài hòa giữa Nhà nước và tư nhân, thị trường được thúc đẩy bởi doanh nhân còn Nhà nước nhận trách nhiệm về giáo dục, chăm lo sức khỏe con người, bảo vệ môi trường...

III. Xây dựng môi trường xã hội

1. Yêu cầu khách quan

Những bước đi của các quốc gia châu Á láng giềng với đầy chông gai ban đầu và sự thành công của họ hôm nay, ngày mai âu cũng là những bài học cho chúng ta trên con đường công nghiệp hóa, con đường kinh tế tri thức mà chúng ta đang kỳ vọng.

Mục tiêu chiến lược kinh tế - xã hội mười năm 2001-2010: *“Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”* đã thể hiện quyết tâm và trí tuệ của Đảng ta trong chiến lược.

Kinh tế tri thức là một thử thách lớn lao về quyết tâm và năng lực. Muốn phát triển kinh tế tri thức có hiệu quả thì phải có một môi trường xã hội phù hợp, một cơ địa cho sự tồn tại và trưởng thành.

Trong thời gian gần đây, chúng ta bàn nhiều đến kinh tế tri thức, ở nhiều cấp độ, quy mô, bàn về khái niệm, về nội dung, bản chất, bàn về cách đi, về những cơ hội và thách thức đối với chúng ta. Có thể nhận ra một số điểm sau đây:

Chung quanh vấn đề kinh tế tri thức còn khá nhiều cách hiểu, từ tên gọi đến khái niệm cũng như nội dung của nó. Không ít người mơ tưởng và thấy cần đi thẳng vào để khỏi bỏ mất cơ hội, song cũng không ít người băn khoăn vì không hiểu rõ diện mạo của nền kinh tế này; trong điều kiện Việt Nam hiện tại đặt nó như một thực thể phải tiến thẳng vào đã đúng hay chưa, đã hiệu quả và hợp quy luật chưa v.v. và v.v.

Đảng ta luôn quan tâm đến khoa học, công nghệ, quan tâm đầu tư cho giáo dục trong chiến lược phát triển nguồn lực con người. Chúng ta còn nhiều khó khăn, còn nhiều sự khác biệt so với thế giới nhưng chúng ta vẫn mở rộng khả năng hội nhập. Các mối quan hệ hợp tác song phương, đa phương trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi đã luôn được chú ý khai thác, đẩy mạnh và hiệu quả trong hướng hoạt động này tăng tiến không ngừng.

Kinh tế tri thức - một phạm trù kinh tế còn chứa đựng nhiều ẩn số - chưa có diện mạo rõ ràng. Trong phương diện lý luận cũng hiện diện rất nhiều vấn đề cần sáng tỏ: kinh tế tri thức là một ngành kinh tế đặc trưng như một số ngành kinh tế khác hay nó là một hệ thống kinh tế tổng hợp bao trùm trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội? Kinh tế tri thức là bước phát triển cao của sức sản xuất mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chính là người chấp cánh cho nó tung bay, hay đây là một lực lượng sản xuất mới tương ứng với một quan hệ sản xuất mới sẽ xuất hiện trong tương lai? Và nếu vậy thì nguyên lý mác - xít về các hình thái kinh tế - xã hội sẽ được giải thích như thế nào? v.v.

Những nét đa dạng, phong phú trong cách nghĩ về kinh tế tri thức mà chúng

ta đang bàn tới có hạt nhân hợp lý và tất yếu phải có lời giải. Đây chính là đối tượng của các khoa học xã hội, đặc biệt là chuyên ngành xã hội học tri thức.

Xây dựng môi trường xã hội nhằm góp phần nhận biết thực trạng xã hội và tạo năng lực nội sinh xã hội cho kinh tế tri thức là một nhu cầu bức thiết.

Theo quy luật chung thì mỗi xã hội có một trình độ kinh tế tương ứng, xã hội phát triển ở trình độ nào thì về cơ bản nền kinh tế cũng có biểu hiện ở trình độ ấy, và cũng có thể hiểu trình độ kinh tế nào thì cũng có một trình độ xã hội ấy tương ứng.

Muốn xây dựng và phát triển kinh tế tri thức thì cũng đồng nghĩa với sự hiện diện một xã hội tri thức, vì nó là tiền đề, là môi trường vận động và phát triển của kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức sẽ tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của xã hội tri thức.

“Thực ra thì hình thù của xã hội tri thức ra sao chúng ta cũng chưa hình dung được, mà có lẽ cái “xu thế” đó sẽ chỉ được hình thành rõ nét dần chính bởi tri thức của thế hệ trẻ hôm nay và các thế hệ nối tiếp sẽ tạo nên xã hội đó. Chính vì vậy xã hội học tri thức có một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc góp phần định hình dần và tạo dựng nên cái xã hội tri thức mà loài người tiến đến” (9).

“Nền kinh tế tri thức đòi hỏi phải có một xã hội tri thức; Xã hội tri thức vừa là “nhân”, vừa là “quả” của nền kinh tế tri thức. Nền kinh tế tri thức trước hết cần có một đội ngũ trí thức, nhân tài đông đảo để sáng tạo, trao đổi và phân phối công nghệ mới” (3, tr 207).

“Một xã hội mà nền tảng là kinh tế tri thức sẽ được tổ chức và quản lý như thế nào, các mối quan hệ xã hội, giữa con người và con người, giữa nhà nước và công dân sẽ có những cải thiện cơ bản, hình thức tổ chức nào có thể phát huy tối đa năng lực tri thức của xã hội, tạo nên sự bình đẳng mới về quyền sở hữu tri thức của con người” (11)

Từ năm 1969, Peter Drucker, người được mệnh danh là bố già của nền quản lý hiện đại, lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm về xã hội tri thức. Theo quan điểm của ông *“tri thức phải được tạo ra, tổ chức, quản lý, trao đổi, chuyển giao, thu nhận, tích lũy, hấp thụ, làm chủ, thích nghi, bản địa hóa, sử dụng thay thế trong quá trình tiến hóa không ngừng” (3, tr 242).*

“Mỗi loại tri thức đều có tầm quan trọng của mình, ngày nay, cùng với các tri thức khoa học kỹ thuật và công nghệ, các tri thức về xã hội, về tổ chức và quản lý, ngày càng phát triển phong phú và có ý nghĩa to lớn, nhiều trường hợp là quyết định, trong việc tạo nên sự giàu có của một nền kinh tế” (3, tr 114).

“Sự chuyển hóa hiện nay thường bị mô tả sai lệch là cuộc cách mạng thông tin, hay được đánh giá đồng với việc hình thành xã hội thông tin, trong khi đó trên thực tế sự chuyển hóa này là một cái gì đó lớn hơn nhiều” (10).

Nghiên cứu chức năng và quá trình vận hành của tri thức trong hoạt động kinh tế là một nhu cầu khách quan và rất có ý nghĩa. Đây cũng là nội dung của xã hội học tri thức mà chúng ta đang bàn tới.

Xã hội học tri thức không chỉ có nhiệm vụ nghiên cứu nhằm cung cấp nhận thức về xã hội tri thức, xã hội có kinh tế tri thức, mà điều quan trọng hơn, nó còn có chức năng định hướng về sự phát triển của tri thức, của khoa học trong tương lai.

Trong báo cáo gần đây của Ủy ban Liên Hiệp quốc về Khoa học Công nghệ vì sự phát triển, với chủ đề “*Các xã hội tri thức: công nghệ thông tin vì sự phát triển bền vững*”, các tác giả kết luận: “*Các nước đang phát triển từ những điểm xuất phát khác nhau đều cần xây dựng một kết cấu hạ tầng thông tin quốc gia để phục vụ các mục tiêu phát triển, hướng tới một xã hội tri thức đổi mới; và dù cái giá phải trả cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đó là khá cao, nhưng cái giá phải trả cho việc không làm điều đó chắc chắn còn cao hơn rất nhiều*” (3, tr 94).

2. Nâng cao nhận thức

a. Về mặt lý thuyết:

1. Nghiên cứu mối quan hệ chung, phổ biến giữa thực thể xã hội với các khía cạnh tri thức xã hội.

2. Thế nào là xã hội tri thức, là xã hội có kinh tế tri thức? Những khác biệt về tính tri thức xã hội trong xã hội công nghiệp với tính tri thức xã hội trong xã hội tri thức? Tại sao trong hơn 2 thế kỷ phát triển của khoa học - kỹ thuật mà ở đó khoa học kỹ thuật, tri thức, trí tuệ đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, văn minh, nhưng chỉ đến những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, thuật ngữ kinh tế tri thức mới chính thức ra đời và lôi kéo sự quan tâm của toàn nhân loại? Những khác biệt về lượng, về chất của hàm lượng trí tuệ trong nền kinh tế tri thức so với nền kinh tế công nghiệp trước đây? Tính đồng nhất và không đồng nhất giữa nền kinh tế thông tin trong yêu cầu hội nhập, toàn cầu hóa, hợp tác và cạnh tranh so với nền kinh tế trước đây về mức độ và thuộc tính tri thức được biểu hiện như thế nào? v.v.

3. Phân biệt thuộc tính cơ bản của kinh tế tri thức với kinh tế thông tin thông qua nghiên cứu các hoạt động xã hội.

4. Nghiên cứu phổ quát các điều kiện kinh tế - xã hội của các quốc gia đã và đang trên lộ trình phát triển kinh tế tri thức (các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển).

a. Thực thể xã hội nào thì có thể chấp nhận được kinh tế tri thức trong điều kiện hiện nay?

b. Các xã hội nông nghiệp chưa có nền công nghiệp hóa có thể đi vào kinh tế tri thức được không? Và nếu có thể thì sẽ đi như thế nào?

5. Một số nội dung quan trọng cần được tập trung xem xét:

a. Đối với Việt Nam, kinh tế tri thức đang diễn ra trên thế giới đã thực sự trở thành cơ hội lớn không nên bỏ lỡ chưa?

b. Những thuận lợi và thách thức của Việt Nam trong khi tiến hành xây dựng kinh tế tri thức.

6. Những vấn đề nghiên cứu cụ thể trước mặt của Xã hội học tri thức Việt Nam:

- a. Thực trạng nhận biết của chúng ta hiện nay về kinh tế tri thức và Xã hội học tri thức.
- b. Cách đi của chúng ta trên lộ trình kinh tế tri thức.
- c. Những chuyển biến tri thức xã hội trước tác động của kinh tế thông tin trong những năm gần đây.
- d. Tạo lập môi trường kinh tế tri thức như thế nào cho phù hợp và có hiệu quả.
 - Chính sách phát triển kinh tế, chính sách khoa học công nghệ, chính sách xây dựng nguồn lực.
 - Tìm hướng đi phù hợp trong khả năng có thể để tiếp cận nhanh nhất những thành tựu khoa học hiện đại.

b. Thực tiễn

1. Hiệu quả của việc ứng dụng khoa học công nghệ trong đời sống.
2. Xu thế hợp tác và cạnh tranh trước tác động của kinh tế tri thức trong hoạt động kinh tế đang diễn ra hiện nay.

3. Sự phân tầng xã hội về mặt trình độ tri thức do quá trình ứng dụng không đồng đều các công nghệ hiện đại trong sản xuất ở nước ta.

4. Những thách thức xã hội trong việc thay đổi lực lượng lao động do tác động của nền kinh tế tri thức.

5. Kinh tế tri thức trong chiến lược hiện đại hóa nông thôn ở nước ta.

6. Xây dựng nguồn lực kinh tế tri thức trong tình hình hiện nay (chính sách đầu tư cho khoa học - công nghệ, chính sách đối với đội ngũ trí thức khoa học...).

7. Những tác động của kinh tế tri thức trong xu thế hợp tác rộng mở đối với các quan hệ sản xuất xã hội và những ảnh hưởng của nó đối với nền văn hóa chung của đất nước (những biến đổi của mối quan hệ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng trước ảnh hưởng của kinh tế tri thức).

3. Tăng cường năng lực nội sinh

Từ những yêu cầu của kinh tế tri thức mà chúng ta nhận biết và chấp nhận, từ thực trạng Việt Nam, từ bài học của các quốc gia láng giềng, chúng ta có thể nhận thấy rằng muốn xây dựng và phát triển kinh tế tri thức thì phải tạo lập một môi trường phù hợp - môi trường khoa học - công nghệ, môi trường xã hội.

Trong nội dung “những giải pháp cơ bản rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến”, các tác giả trong cuốn *“Phát triển kinh tế tri thức - rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* đã thể hiện những tư tưởng cơ bản ấy:

“Đổi mới cơ chế và chính sách”, “tạo lập một khuôn khổ pháp lý mới”, “phát huy mọi khả năng sáng tạo”, “khuyến khích mọi người làm giàu”, “nên đi thẳng vào công nghệ mới”, “Nhà nước tạo điều kiện cho mọi người đều được học tập, học tập thường

xuyên, học tập suốt đời”, “Để có năng lực nội sinh của đất nước phải có năng lực nội sinh trong từng con người, từng tổ chức, từng cộng đồng...” (Sdd, tr. 128, 129, 140).

Làm được những điều trên đây, chúng ta sẽ có được môi trường phù hợp cho kinh tế tri thức Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ 9.
2. Các nhà Xã hội học thế kỷ XX; Hà Ngân Dung chủ biên; Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội-2001.
3. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với khoa học”; Hà Nội-6/2000 (Sách lưu hành nội bộ).
4. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học; Triết học Mác - Lê nin; Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. “Nền kinh tế tri thức và yêu cầu đổi mới”; Trần Thanh Tùng; Nxb Thế giới; Hà Nội; 2001.
6. Nghị quyết của Chính phủ và kế hoạch tổng thể về phát triển công nghệ thông tin. Ban chỉ đạo Chương trình Quốc gia về Công nghệ thông tin; Hà Nội; 1995.
7. Tri thức là gì? Phan Đình Diệu; Tạp chí Xã hội học, số 4, 1998.
8. Xã hội học tri thức và vài suy nghĩ về con đường hội nhập của chúng ta; Phan Đình Diệu; Tạp chí Xã hội học; tháng 2/1999.
9. Phan Đình Diệu: “Vài vấn đề về giảng dạy Xã hội học tri thức trong giai đoạn hiện nay”; tham luận hội thảo khoa học “Đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo xã hội học”; Hà Nội, tháng 3-2001; Phan Đình Diệu.
10. Việc tạo ra sự thịnh vượng - những quy tắc mới đối với cá nhân, các công ty và nhà nước trong nền kinh tế dựa vào tri thức” (Creting Wealth, the rules for Individuals, Companies and Countries in a Knowledge Economy) Lestera K. Thurow.
11. “Bao giờ “Đàn chim Việt” bắt nhịp đội bay châu Á - Thái Bình Dương”; GS. Đặng Ngọc Dinh; Báo Văn nghệ Nghinh Xuân, số 7-8, 12+19, tháng 2-1994.
12. “Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; Đặng Hữu chủ biên; Nxb Chính trị Quốc gia; Hà Nội; 2001.
13. Knowledge societies: information technology for sustainable development; R. Mansell; U.When (ed), Oxford University Press; 1998.
14. The Knowledge economy: The nature of information in the 21 st century; Published by the Apen institute, 1998.